

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán Đề án số hóa hồ sơ
dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu, ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2686/TTr-STP ngày 23/12/2024 (Kèm Công văn số 3995/STC-QLGCS&TCND ngày 20/12/2024 của Sở Tài chính).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán Đề án số hóa hồ sơ dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Dự toán Đề án Số hóa hồ sơ dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đơn vị thực hiện:

2.1. Đối với nhiệm vụ “Thuê dịch vụ số hóa dữ liệu hộ tịch”; Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Đối với nhiệm vụ “Mua sắm thiết bị số hóa hộ tịch”; Đơn vị thực hiện: UBND cấp huyện.

3. Địa điểm thực hiện:

3.1. Đối với nhiệm vụ “Thuê dịch vụ số hóa dữ liệu hộ tịch”; Địa điểm thực hiện: Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long, các Phòng Tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã.

3.2. Đối với nhiệm vụ “Mua sắm thiết bị số hóa hộ tịch”; Địa điểm thực hiện: Phòng Tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã.

4. Mục tiêu thực hiện:

Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật hộ tịch và văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh; Từng bước số hóa và cập nhật dữ liệu hộ tịch ngành tư pháp ở địa phương vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; Thông qua số hóa tài liệu nhằm mục đích lưu trữ dữ liệu, phục vụ khai thác bản số, không phục vụ bản gốc; Triển khai kịp thời việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, bảo đảm tối đa lợi ích của người dân; Hiện đại hóa công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

Tổ chức sử dụng hiệu quả hồ sơ lưu trữ dữ liệu hộ tịch và cung cấp dữ liệu hộ tịch từ sổ hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng dẫn tại Quy trình số 1292/HTQTCT-QLHC ngày 20 tháng 12 năm 2022; Công văn số 1557/CV- TCTTKĐA ngày 15/3/2023 của Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh. Việc thực hiện Đề án “Số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” cho ngành Tư pháp là nhiệm vụ rất cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

5. Nội dung thực hiện: Thực hiện nhiệm vụ “Thuê dịch vụ số hóa dữ liệu hộ tịch” và nhiệm vụ “Mua sắm thiết bị số hóa hộ tịch”, bao gồm:

5.1. Đối với nhiệm vụ “Thuê dịch vụ số hóa dữ liệu hộ tịch”.

STT	Loại hồ sơ	Số trang	Số trường hợp đăng ký
Toàn tỉnh		1.767.285	1.350.257
1	Khai sinh	1.180.968	847.231
2	Khai tử	151.633	119.797
3	Kết hôn	261.636	167.829
4	Xác nhận TTHN	170.489	214.109
5	Nhận cha mẹ con	2.559	1.291
Chi tiết tại Sở Tư pháp và các Huyện		1.767.285	1.350.257
Sở Tư pháp		15.067	0
1	Khai sinh	934	0
2	Khai tử	0	0
3	Kết hôn	14.133	0
4	Xác nhận TTHN	0	0
5	Nhận cha mẹ con	0	0
Huyện Trà Ôn		136.873	128.954
1	Khai sinh	73.943	81.104
2	Khai tử	15.282	7.041
3	Kết hôn	23.996	17.126
4	Xác nhận TTHN	22.934	23.634
5	Nhận cha mẹ con	718	49
Huyện Bình Tân		400.706	328.759
1	Khai sinh	266.302	214.163

2	Khai tử	39.641	32.239
3	Kết hôn	59.486	46.829
4	Xác nhận TTHN	35.030	35.344
5	Nhận cha mẹ con	247	184
Huyện Long Hồ		240.986	81.929
1	Khai sinh	138.027	17.379
2	Khai tử	24.018	7.392
3	Kết hôn	43.799	17.922
4	Xác nhận TTHN	34.768	39.170
5	Nhận cha mẹ con	374	66
Huyện Mang Thít		4.364	193.290
1	Khai sinh	2.051	87.023
2	Khai tử	892	33.826
3	Kết hôn	797	29.069
4	Xác nhận TTHN	524	43.232
5	Nhận cha mẹ con	100	140
Huyện Tam Bình		305.335	127.516
1	Khai sinh	240.090	108.978
2	Khai tử	16.346	1.192
3	Kết hôn	31.645	72
4	Xác nhận TTHN	17.068	17.200
5	Nhận cha mẹ con	186	74
Thị Xã Bình Minh		126.845	45.059
1	Khai sinh	96.869	39.831
2	Khai tử	12.241	4.898
3	Kết hôn	17.603	307
4	Xác nhận TTHN	0	0
5	Nhận cha mẹ con	132	23
Huyện Vũng Liêm		316.050	286.361
1	Khai sinh	213.753	190.744
2	Khai tử	27.579	29.259
3	Kết hôn	50.048	46.304
4	Xác nhận TTHN	24.353	19.717
5	Nhận cha mẹ con	317	337
Thành phố Vĩnh Long		221.059	158.389
1	Khai sinh	148.999	108.009

2	Khai tử	15.634	3.950
3	Kết hôn	20.129	10.200
4	Xác nhận TTHN	35.812	35.812
5	Nhận cha mẹ con	485	418

5.2. Đối với nhiệm vụ “Mua sắm thiết bị số hóa hộ tịch”.

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy Scan	115	Cái
2	Máy tính để bàn	123	Bộ
3	Phần mềm Window 11 Pro	123	Lisence

*** Cụ thể như sau:**

STT	Nhu cầu mua sắm của cấp huyện
1	Huyện Bình Tân: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 12 máy tính; 11 máy scan và 12 Lisence Phần mềm Window 11 Pro
2	Thị xã Bình Minh: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 10 máy tính; 9 máy scan và 10 Lisence Phần mềm Window 11 Pro
3	Huyện Vũng Liêm: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 22 máy tính; 21 máy scan và 22 Lisence Phần mềm Window 11 Pro;
4	Huyện Mang Thít: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 14 máy tính; 13 máy scan và 14 Lisence Phần mềm Window 11 Pro.
5	Huyện Tam Bình: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 19 máy tính; 18 máy scan và 19 Lisence Phần mềm Window 11 Pro.
6	Huyện Trà Ôn: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 16 máy tính; 15 máy scan và 16 Lisence Phần mềm Window 11 Pro.
7	Huyện Long Hồ: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 17 máy tính; 16 máy scan và 17 Lisence Phần mềm Window 11 Pro
8	Thành phố Vĩnh Long: mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: 13 máy tính; 12 máy scan và 13 Lisence Phần mềm Window 11 Pro.

6. Tổng dự toán: 17.998.399.534 đồng.

Trong đó:

6.1. Đối với nhiệm vụ “Thuê dịch vụ số hóa dữ liệu hộ tịch”; Dự toán: 13.929.247.306 đồng.

6.2. Đối với nhiệm vụ “Mua sắm thiết bị số hóa hộ tịch”; Dự toán: 4.069.152.228 đồng.

(Chi tiết theo nội dung Tờ trình số 2686/TTr-STP ngày 23/12/2024 của Sở Tư pháp).

7. Nguồn kinh phí thực hiện:

7.1. Đối với nhiệm vụ “Thuê dịch vụ số hóa dữ liệu hộ tịch”; Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước cấp tỉnh năm 2024 - 2025.

7.2. Đối với nhiệm vụ “Mua sắm thiết bị số hóa hộ tịch”; Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước cấp huyện năm 2024 - 2025.

8. Hình thức thực hiện: Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sở Tư pháp chịu trách nhiệm toàn diện về dự toán nêu trên, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Giao Sở Tư pháp cập nhật giá dự toán theo các quy định hiện hành trước khi xây dựng giá gói thầu để trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định; Đồng thời, triển khai thực hiện đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu thực tế và không gây lãng phí.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 133.KTNV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**